

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2021
V/v “Ly hôn, t/c về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Xuyên – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 498/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2021/QĐ-ST ngày 12/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990.

Số điện thoại: 0355.550.744

- Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh S, sinh năm 1989

Số điện thoại: 0901.284.252

Cùng địa chỉ: ấp Nam Huê, xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị với anh Huỳnh Thanh S chung sống với nhau từ năm 2011, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình T ngày 29/01/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung.

Đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh S chơi cờ bạc, cá độ đá banh gây ra nợ nần, ngoài ra còn nhậu nhẹt, không lo cho kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 12/2020 do không còn chịu đựng được nữa chị đã quyết định sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm hiện nay không còn, không muốn hàn gắn lại nên chị Q yêu cầu giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q xin được ly hôn với anh Huỳnh Thanh S.

+ Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Nhất Hsinh ngày 26/7/2012 và Huỳnh Nguyễn Kim Nsinh ngày 07/12/2015 hiện đang sống với chị Q. Sau ly hôn chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Tại tờ tự khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Huỳnh Thanh S trình bày:

Anh với vợ Nguyễn Thị Q chung sống từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành vào ngày 29/01/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung. Cuối năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng một số quan điểm nhỏ, vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn và mong muốn hàn gắn để cùng nhau chăm sóc con.

+ Về con chung: Thống nhất có 02 con chung tên Huỳnh Nhất H sinh ngày 26/7/2012 và Huỳnh Nguyễn Kim N sinh ngày 07/12/2015 hiện đang sống với mẹ(chị Q). Nếu có ly hôn anh yêu cầu được nuôi một con chung, con nào cũng được và không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình thụ lý Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ khi tiến hành lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt và niêm yết hợp lệ các thông báo và quyết định, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên đã từ bỏ quyền của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: chị Q được ly hôn với anh S.

Về con chung: Giao giao 02 con chung tên Huỳnh Nhất H sinh ngày 26/7/2012 và Huỳnh Nguyễn Kim N sinh ngày 07/12/2015 cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Q không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Q yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn anh Huỳnh Thanh S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Nam H, xã Bình T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Huỳnh Thanh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Q và anh S.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Q và anh Huỳnh Thanh S chung sống với nhau từ năm 2011 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 29/01/2016. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q, thấy: chị Q và anh S đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân giữa năm 2020 cho đến nay. Theo chị Q vợ chồng mâu thuẫn là do anh S không quan tâm tới gia đình, thường xuyên ăn

chơi, nhậu nhẹt, cá độ gây ra nợ nần nhiều lần. Tại buổi hòa giải ngày 01/4/2021 ý kiến của anh S là không muốn ly hôn với chị Q vì vẫn còn tình cảm tuy nhiên anh S lại không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau buổi hòa giải mặc dù đã được Tòa án mời nhiều lần nhằm mục đích đồng viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh S cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh S không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Q.

[2.3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q và anh S thống nhất vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Nhất Hsinh ngày 26/7/2012 và Huỳnh Nguyễn Kim Nsinh ngày 07/12/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì chị Q là người trực tiếp nuôi cả hai con chung. Tại biên bản lấy ý kiến của cháu Nhất Huy, mong muốn của cháu Huy là được tiếp tục sống ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và học tập sau này cho các con, nên có căn cứ áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai con chung Nhất Huy và Kim Nguyên cho chị Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Q không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[3] Về án phí: Chị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Huỳnh Thanh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 29/01/2016 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung:

Chị Nguyễn Thị Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung tên Huỳnh Nhất H sinh ngày 26/7/2012 và Huỳnh Nguyễn Kim N sinh ngày 07/12/2015.

Anh Huỳnh Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Q phải tạo điều kiện cho anh S được quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Nguyễn Thị Q và anh Huỳnh Thanh S phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008084 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại S, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Thanh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại S;
- Chi Cục THADS huyện Thoại S;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm